



Hệ thống cách của tiếng Nga

Sáu cách, công dụng của từng cách và những đuôi bạn sẽ gặp nhiều nhất.

Cách cho biết vai trò của một từ trong câu. Tiếng Anh dùng trật tự từ và giới từ cho việc này; tiếng Nga đổi đuôi từ. Hãy học đuôi gắn liền với chức năng của nó – nếu tách rời, hệ thống sẽ có vẻ tùy tiện.

Sáu cách trong một cái nhìn

Cách	Hỏi gì?	Chức năng chính	Ví dụ
Danh cách	кто? что?	Chủ ngữ – dạng gọi tên	Книга на столе. – Cuốn sách ở trên bàn.
Đối cách	кого? что?	Tân ngữ trực tiếp và đích đến sau в/на	Я читаю книгу. – Tôi đang đọc một cuốn sách.
Sinh cách	кого? чего?	Sở hữu, thiếu vắng, số lượng, nguồn gốc	Нет книги. – Không có sách.
Tặng cách	кому? чему?	Người nhận, người trải nghiệm điều gì đó	Я помогаю брату. – Tôi giúp anh trai tôi.
Công cụ cách	чем? кем?	Bằng phương tiện gì và cùng với ai	Я пишу ручкой. – Tôi viết bằng bút.
Giới cách	о ком? о чем?	Chủ đề và vị trí tĩnh	Я в школе. – Tôi đang ở trường.

Đuôi số ít điển hình

Cách	Giống đực: phụ âm / -й, -ь	Giống trung - o / -e	Giống cái -a / -я	Giống cái -ь
Danh.	— / -й, -ь	-o / -e	-a / -я	-ь
Đối.	Danh. nếu bất động, Sinh. nếu hữu sinh	như Danh.	-у / -ю	như Danh.
Sinh.	-а / -я	-а / -я	-ы / -и	-и
Tặng.	-у / -ю	-у / -ю	-е	-и
Công cụ.	-ом / -ем	-ом / -ем	-ой / -ей	-ью
Giới.	-е	-е	-е	-и

Thói quen hữu ích nhất

Hãy học động từ cùng từ để hỏi và cách của nó, đừng học riêng lẻ: помогать кому? + cách tặng. Она интересуется историей – интересоваться чем? + cách công cụ. Từ để hỏi là một nhãn gọn cho cả cấu trúc.

Mỗi kiểu danh từ một từ, đủ cả sáu cách

Cách	стол (đực)	музей (đực)	окно (trung)	книга (cái)	дверь (cái)
Danh.	стол	музей	окно	книга	дверь
Đối.	стол	музей	окно	книгу	дверь
Sinh.	стола	музея	окна	книги	двери
Tặng.	столу	музею	окну	книге	двери
Công cụ.	столом	музеем	окном	книгой	дверью
Giới.	столе	музее	окне	книге	двери

Đuôi số nhiều điển hình

Cách	Đuôi thường gặp	Điều đáng biết
Danh.	-ы / -и, giống trung thường là -а / -я	nhiều bất quy tắc từ vựng
Đối.	Danh. nếu bất động, Sinh. nếu hữu sinh	áp dụng cho mọi giống
Sinh.	-ов / -ев / -ей, hoặc không có đuôi	dạng khó đoán nhất – học từng từ một
Tặng.	-ам / -ям	thường theo quy tắc
Công cụ.	-ами / -ями	thường theo quy tắc
Giới.	-ах / -ях	thường theo quy tắc

Giới từ theo cách chúng đòi

Cách	Giới từ thường gặp
Đối cách	в, на (đích đến); через, про, за, под
Sinh cách	без, для, до, из, от, с, у, около, после, кроме, вокруг, напротив
Tặng cách	к, по, благодаря, вопреки, навстречу
Công cụ cách	с, за, под, над, перед, между
Giới cách	о / об / обо, в, на, при

Một số giới từ xuất hiện hai lần vì cách làm đối quan hệ: с работы (từ nơi làm việc – sinh cách) so với с другом (với một người bạn – công cụ cách).

Cặp đối chiếu đáng để nhớ

Mẫu A	Mẫu B	Điều thay đổi
Я в школе.	Я иду в школу.	vị trí (giới cách) so với đích đến (đối cách)
У меня есть вопрос.	У меня нет вопроса.	tồn tại so với thiếu vắng (sinh cách)
Я читал книгу.	Я прочитал книгу.	quá trình so với việc đã hoàn tất

Đừng mong một đuôi chỉ mang một nghĩa
стола có thể là sinh cách số ít (нет стола – không có bàn) hoặc một phần của số lượng (два стола – hai cái bàn). Đuôi từ là tín hiệu hoạt động cùng giới từ, hữu sinh và trật tự từ – không phải bản dịch độc lập.